

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Tên gói thầu: Hiệu chuẩn thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn tại Bệnh viện Đa khoa Hải Dương năm 2025.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

Hàng hóa chào thầu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mới 100%. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa.

Tài liệu phải được thể hiện bằng tiếng Việt (*Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật ra tiếng Việt và Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch*).

Tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu phù hợp yêu cầu kỹ thuật: catalog, hướng dẫn sử dụng, mô tả kỹ thuật, mẫu nhãn/bao bì, hình ảnh sản phẩm hoặc các tài liệu khác tương đương.

Tài liệu kỹ thuật của Hãng sản xuất. Hàng hóa nhập khẩu phải kèm tài liệu tiếng Anh của hãng sản xuất.

+ Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) thông số cụ thể để chứng minh thông số kỹ thuật dự thầu. Đối với các tài liệu tra cứu được trên trang Web điện tử của Hãng sản xuất, Nhà thầu phải cung cấp kèm đường Link tra cứu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung Bản phát hành có xác nhận, đóng dấu của Hãng sản xuất hoặc Hãng chủ sở hữu kèm bản dịch thuật công chứng của cơ quan có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc;

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ chứng từ nhập khẩu và các chứng từ liên quan khác theo quy định hiện hành;

+ Đối với các hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam: Nhà thầu cam kết cung cấp tài liệu lưu hành phù hợp.

Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, còn hiệu lực.

- Bảng phân loại (A, B, C, D) theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản khác còn hiệu lực đối với trang thiết bị y tế;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu đủ điều kiện lưu hành theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và các văn bản khác còn hiệu lực.

- Hàng hóa dự thầu sản xuất trong nước: Cơ sở sản xuất phải có hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

2.2 Yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, **nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn**. (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT). **Nhà thầu có quyền chào Quy cách đóng gói khác, miễn sao đáp ứng được khối lượng sử dụng tối thiểu theo Hồ sơ mời thầu.**

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại (lưu ý trong trường hợp là vật tư y tế)	Mã hàng hóa (chỉ áp dụng đối với Vật tư y tế)	Ký mã hiệu / Nhân mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Chủ sở hữu (nếu có) Xuất xứ	Phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Giấy phép bán hàng	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, ... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Quy cách sản phẩm	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK	Tài liệu sản phẩm
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa: - Đối với vật tư y tế theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan - Đối với các hàng hóa khác là TTBYT là theo kê khai giá.	- Đối với vật tư y tế là mã hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT hoặc số lưu hành hoặc GPNK -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng (nếu có). - Tem nhãn, hình ảnh thực tế (nếu có). - Chứng từ nhập khẩu tham khảo (nếu có). - Tài liệu chứng minh hàng hóa đã được kê khai giá trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Nếu có).

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Trang ... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật ... thuộc E-HSDT

Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa mời thầu:

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ
1	Máy ly tâm kéo mẫu	Máy ly tâm kéo mẫu - Model/ Hãng, nước sản xuất: Exispin (hoặc tương đương)	
2	Tủ ATSH cấp II	Tủ ATSH cấp II - Model/ Hãng, nước sản xuất: SC2-4E1 (hoặc tương đương)	
3	Tủ ATSH cấp II	Tủ ATSH cấp II - Model/ Hãng, nước sản xuất: ATV-BSC-300IIA2 (hoặc tương đương)	
4	Tủ sạch	Tủ sạch - Model/ Hãng, nước sản xuất: AVC 3A1 (hoặc tương đương)	
5	Tủ sạch	Tủ sạch - Model/ Hãng, nước sản xuất: Thelong (hoặc tương đương)	
6	Tủ ẩm	Tủ ẩm - Model/ Hãng, nước sản xuất: IB-450M (hoặc tương đương)	
7	Tủ ẩm CO2 (hiệu chuẩn nhiệt & thẩm định 5% CO2)	Tủ ẩm CO2 (hiệu chuẩn nhiệt & thẩm định 5% CO2) - Model/ Hãng, nước sản xuất: MCO -15AC (hoặc tương đương)	
8	Tủ ẩm CO2 (hiệu chuẩn nhiệt & thẩm định 5% CO2)	Tủ ẩm CO2 (hiệu chuẩn nhiệt & thẩm định 5% CO2) - Model/ Hãng, nước sản xuất: MCO -18ACPE (hoặc tương đương)	
9	Tủ sấy	Tủ sấy - Model/ Hãng, nước sản xuất: YCO-010 (hoặc tương đương)	
10	Cân điện	Cân điện - Model/ Hãng, nước sản xuất: PA2012 (hoặc tương đương)	
11	Máy ly tâm	Máy ly tâm	

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ
		- Model/ Hãng, nước sản xuất: PLC 05 (hoặc tương đương)	
12	Micropipet 100 μ l (hoặc tương đương)	Micropipet 100 μ l - Model/ Hãng, nước sản xuất: ADJ/ Eppendorf (hoặc tương đương)	
13	Micropipet 200 μ l-1000 μ l (hoặc tương đương)	Micropipet 200 μ l-1000 μ l - Model/ Hãng, nước sản xuất: Finnpipepette (hoặc tương đương)	
14	Micropipet 20-200 μ l (hoặc tương đương)	Micropipet 20-200 μ l - Model/ Hãng, nước sản xuất: MED (hoặc tương đương)	
15	Micropipet 100-1000 μ l (hoặc tương đương)	Micropipet 100-1000 μ l - Model/ Hãng, nước sản xuất: Labmate (hoặc tương đương)	
16	Tủ lạnh âm sâu (-20 độ)	Tủ lạnh âm sâu (-20 độ) - Model/ Hãng, nước sản xuất: BIOBASE (hoặc tương đương)	
17	Tủ lạnh âm sâu (-80 độ)	Tủ lạnh âm sâu (-80 độ) - Model/ Hãng, nước sản xuất: EXF24086V (hoặc tương đương)	
18	Tủ lạnh âm sâu (-30 độ)	Tủ lạnh âm sâu (-30 độ) - Model/ Hãng, nước sản xuất: MDF-MU339-PE (hoặc tương đương)	
19	Tủ lạnh	Tủ lạnh - Model/ Hãng, nước sản xuất: SJ-P625M-SL (hoặc tương đương)	
20	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: VH 400W (hoặc tương đương)	
21	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: VH 401K (hoặc tương đương)	
22	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: VH 300KW (hoặc tương đương)	
23	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: AUCMA (hoặc tương đương)	
24	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: HYC 260 (hoặc tương đương)	
25	Tủ bảo quản	Tủ bảo quản - Model/ Hãng, nước sản xuất: HYC 260 (hoặc tương đương)	
26	Nhiệt ẩm kế treo tường	Nhiệt ẩm kế treo tường	

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ/Vùng lãnh thổ
27	Nhiệt kế tủ lạnh	Nhiệt kế tủ lạnh	
28	Máy ly tâm Kobuta (hoặc tương đương)	Máy ly tâm Kobuta - Model/ Hãng, nước sản xuất: 2420/ Nhật Bản (hoặc tương đương)	G7
29	Máy ly tâm Kobuta (hoặc tương đương)	Máy ly tâm Kobuta - Model/ Hãng, nước sản xuất: S300T/ Nhật Bản (hoặc tương đương)	G7
30	Tủ SANAKY 2 cánh (hoặc tương đương)	Tủ SANAKY 2 cánh - Model/ Hãng, nước sản xuất: VH-800HP/ Trung Quốc (hoặc tương đương)	G20
31	Tủ SANAKY 1 cánh (hoặc tương đương)	Tủ SANAKY 1 cánh - Model/ Hãng, nước sản xuất: VH-401K/ Trung Quốc (hoặc tương đương)	G20
32	Tủ SANAKY 1 cánh (hoặc tương đương)	Tủ SANAKY 1 cánh - Model/ Hãng, nước sản xuất: SC-230/ Trung Quốc (hoặc tương đương)	G20
33	Tủ mát Haier Biomedical (hoặc tương đương)	Tủ mát Haier Biomedical - Model/ Hãng, nước sản xuất: HYC - 940/ Trung Quốc (hoặc tương đương)	G20
34	Tủ mát Hoà Phát (hoặc tương đương)	Tủ mát Hoà Phát - Model/ Hãng, nước sản xuất: HSC600F1R1/Hòa Phát (hoặc tương đương)	
35	Tủ bảo quản TOSHIBA (hoặc tương đương)	Tủ bảo quản TOSHIBA - Model/ Hãng, nước sản xuất: GR-Y22VT/ Trung Quốc (hoặc tương đương)	G20
36	Tủ SHARP (hoặc tương đương)	Tủ SHARP - Model/ Hãng, nước sản xuất: SJ-185S-BL (hoặc tương đương)	
37	Tủ âm	Tủ âm	G20
38	Piper tự động 100-1000ml (hoặc tương đương)	Piper tự động 100-1000ml	G20
39	Piper tự động 10-100ml (hoặc tương đương)	Piper tự động 10-100ml	G7
40	Piper tự động 5-50ml (hoặc tương đương)	Piper tự động 5-50ml	G7
41	Piper tự động 20-200ml (hoặc tương đương)	Piper tự động 20-200ml	G7
42	Nhiệt ẩm kế treo tường	Nhiệt ẩm kế treo tường	G7
43	Nhiệt ẩm kế tủ bảo quản	Nhiệt ẩm kế tủ bảo quản	G7